

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH LÀO CAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2023/KDTM – ST.

Ngày 15 - 09 - 2023.

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng thuê tài sản*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Đỗ Thị Thanh Hương;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phàng Thị Cờ

2. Bà Vũ Thị Nhung

Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Minh Lý – Thư ký, Toà án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoài Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 09 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai, xét xử sơ thẩm công khai, vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 02/2023/TLST-KDTM ngày 25 tháng 04 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng thuê tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2023/QĐXXST-KDTM ngày 24 tháng 07 năm 2023; và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2023/QĐST – KDTM ngày 07 tháng 09 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: CÔNG TY M(Tên viết tắt Công ty MHE)

Địa chỉ: T10, Thai Square, 210 Trần Quang Khải và 17 Tông Đản, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Người đại diện theo pháp luật: Ông Kei Chiba

Địa chỉ: T10, Thai Square, 210 Trần Quang Khải và 17 Tông Đản, Phường T, Quận H, Thành phố H, Việt Nam

Người được ủy quyền lại gồm:

1. Bà Đỗ Phương H

2. Bà Nguyễn Thị Như Q

Cùng địa chỉ: Lô 7 KCN Quang Minh, huyện M, thành phố H

3. Bà Phan Thị T

Địa chỉ thường trú: Số 30, ngõ 24 Ngọc Lâm, phường N, Quận L, Hà Nội.

Địa chỉ liên hệ: P601 Nhà khách Bộ quốc phòng, số 145 phố T, Quận T,

Hà Nội. (có mặt tại phiên tòa)

Bị đơn: CÔNG TY Đ

Địa chỉ trụ sở chính: đội 3 (nay là thôn 3), xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Đại diện theo pháp luật: bà Nguyễn Thị N - Chức vụ: Giám đốc (Vắng mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Kim K – sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn G, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

Người làm chứng: Anh Đỗ Mạnh H – sinh năm 1983

Địa chỉ: Phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Phan Thị Ttrinh bày:

Ngày 22/3/2021, Công ty M(Tên viết tắt Công ty MHE) và công ty TNHH MTV đầu tư tổng hợp Đức Tiến (Viết tắt Công ty T) ký hợp đồng thuê thiết bị số: RSA000126/MHE-DUCTIEN để thuê 01 máy xúc đào Komatsu Model PC200-10, nhãn hiệu Komatsu, mã kiểu loại: PC200-10, số khung KMTPC243HGC455193, số động cơ: 6D10726657287, mã số Seri: 455193 trong thời hạn 12 tháng liên tục tính từ ngày thiết bị được bàn giao tại công trường của Công ty T có địa chỉ tại xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai (tức ngày 23/3/2021). Cùng ngày, Công ty T đã trả số tiền đặt cọc là 200.000.000VNĐ (Hai trăm triệu đồng) cho Công ty MHE theo quy định tại Điều 4.1 của Hợp đồng thuê.

Tổng tiền thuê 01 tháng là 85.000.000VNĐ/01 máy (đã bao gồm thuế GTGT) gồm: Tiền thuê thiết bị tiêu chuẩn 01 tháng: 76.000.000 đồng và chi phí nhân viên lái máy 01 tháng: 9.000.000 đồng/người. Cũng trong ngày 22/03/2021 Công ty T đã trả số tiền đặt cọc là: 200.000.000VNĐ cho Công ty MHE. Thời hạn thanh toán tiền thuê: 15 ngày làm việc kể từ ngày xuất hóa đơn, địa điểm hoạt động của thiết bị thuê: tại nhà máy gạch Đức Tiến, xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Ngày 23/3/2021, Công ty MHE đã chuyển 01 máy xúc đào Komatsu Model PC200-10, nhãn hiệu Komatsu, mã kiểu loại: PC200-10, số khung KMTPC243HGC455193, số động cơ: 6D10726657287, mã số Seri: 455193 (gọi tắt là Thiết bị thuê), phụ tùng, dụng cụ, biên bản đào tạo và các tài liệu khác liên quan tới vận hành thiết bị thuê tới trụ sở Công ty T tại xã B, huyện B, Lào Cai. Ông Phan Văn Dương – đại diện Công ty T đã kiểm tra, ký biên bản bàn giao thiết bị và các tài liệu, dụng cụ liên quan và xác nhận rằng: “ máy không lỗi và các thông số bình thường, máy hoạt động tốt”

Công ty T mới thanh toán tiền thuê thiết bị cho công ty MHE từ tháng 3/2021 cho đến tháng 12/2021 tổng cộng là 10 hóa đơn với số tiền là 850.000.000VNĐ (Tám trăm năm mươi triệu đồng). Công ty MHE đã xuất hóa

đơn tiền thuê với giá trị mỗi hóa đơn là 85.000.000VNĐ (Tám mươi năm triệu đồng) cho Công ty T. Tại thời điểm thanh toán Công ty T thanh toán thừa số tiền là 15.000.000VNĐ (Mười lăm triệu đồng) số tiền này Công ty MHE chưa hạch toán vào nội dung gì, trong suốt quá trình thanh toán tiền thuê máy Công ty T thường xuyên chậm thanh toán không thanh toán đúng thời gian quy định như trong hợp đồng thuê. Tháng 01/2022 Công ty MHE đã nhiều lần gửi công văn cho Công ty T chấm dứt hợp đồng thuê, hoàn trả thiết bị thuê cho Công ty MHE. Tuy nhiên, Công ty T không hoàn trả thiết bị thuê cho công ty MHE và cũng không thanh toán tiền thuê trong thời gian không hoàn trả thiết bị thuê. Đến ngày 30/3/2022 vẫn chưa nhận được phản hồi của Công ty T, qua kiểm tra thực tế, thì Công ty MHE phát hiện thiết bị thuê không còn ở địa điểm hoạt động theo thỏa thuận trên hợp đồng thuê mà đang được lưu giữ tại bãi máy thuộc quản lý của ông Nguyễn Kim K ở xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Sự việc này đã được ông Nguyễn Kim K xác nhận về việc Công ty T đã bán cho ông Nguyễn Kim K chiếc máy xúc đào mà Công ty T thuê của Công ty MHE. Công ty MHE đã yêu cầu ông Nguyễn Kim K và Công ty T hoàn trả thiết bị thuê cho Công ty MHE vì nhưng ông Nguyễn Kim K cho rằng máy xúc đào là do ông Nguyễn Kim K mua của Công ty T có hợp đồng mua bán vì vậy máy xúc đào hiện là tài sản của ông Nguyễn Kim K.

Tại đơn khởi kiện Công ty MHE đề nghị Tòa án nhân dân huyện B giải quyết buộc Công ty T phải trả lại thiết bị thuê trong trường hợp thiết bị thuê không còn nguyên vẹn hoặc bị hư hỏng tới mức không thể sửa chữa hoặc không thể khôi phục được trạng thái hoạt động bình thường, Công ty MHE sẽ từ chối nhận lại thiết bị này và yêu cầu Công ty T bồi thường cho Công ty MHE số tiền là 1.500.000.000VNĐ (Một tỷ năm trăm triệu đồng) tương đương với giá trị thị trường của thiết bị và thực hiện nghĩa vụ thanh toán các khoản tiền dưới đây:

+ Chịu phạt cọc do vi phạm nghĩa vụ theo hợp đồng thuê giá trị 200.000.000 đồng (hiện số tiền này do công ty MHE đang giữ).

+ Thanh toán khoản tiền thuê trong thời gian chậm hoàn trả thiết bị tạm tính từ ngày 22/1/2022 đến ngày 13/4/2023 là: 1.104.733.333 đồng.

+ Thanh toán khoản tiền phạt vi phạm là: 44.265.000 đồng.

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị Tòa án giải quyết như sau:

Buộc Công ty TNHH MTV Đầu tư tổng hợp Đức Tiến do bà Nguyễn Thị N là đại diện theo pháp luật và ông Nguyễn Kim K (là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan) phải trả lại Thiết bị thuê là 01 máy xúc đào nhãn hiệu Komatsu, mã kiểu loại: PC200-10, số khung: KMTPC243HGC455193, số động cơ: 6D10726657287, mã số seri: 455193 cho Công ty MHE.

Buộc Công ty TNHH MTV Đầu tư tổng hợp Đức Tiến phải thanh toán cho Công ty MHE các khoản tiền như sau:

+ Chịu phạt cọc do vi phạm nghĩa vụ theo Điều 4 mục 4.1 của Hợp đồng thuê với giá trị 200.000.000 VND (hiện số tiền này Công ty MHE đang giữ);

+ Thanh toán khoản tiền thuê (không bao gồm chi phí lái máy) trong thời gian chậm hoàn trả thiết bị tính từ ngày 22/01/2022 đến ngày 13/04/2023 là: 1.119.733.333 VND; Sau khi đã đối trừ đi 15.000.000 VNĐ thanh toán thừa vào ngày 09/08/2022 thì số tiền còn lại Công ty T phải thanh toán là 1.104.733.333 VNĐ.

+ Thanh toán khoản tiền phạt vi phạm do thanh toán chậm (mức phạt 0,05% tổng số tiền đến hạn chưa thanh toán cho 01 ngày chậm thanh toán theo Khoản 4.5 Hợp đồng thuê) là: 44.265.000 VND.

Như vậy, Công ty TNHH MTV Đầu tư tổng hợp Đức Tiến phải thanh toán cho Công ty MHE số tiền phạt cọc, tiền thuê thiết bị từ ngày 22/01/2022 đến ngày 13/04/2023 và tiền phạt chậm thanh toán với tổng số tiền là 1.348.998.333 VND (Một tỷ ba trăm bốn mươi tám triệu chín trăm chín mươi tám nghìn ba trăm ba mươi ba đồng).

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Công ty TNHH MTV tổng hợp Đức Tiến người đại diện theo pháp luật Bà Nguyễn Thị N: Sau khi Toà án thụ lý vụ án, Toà án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng của Toà án cho Công ty T người đại diện theo pháp luật bà Nguyễn Thị N. Đến ngày 01/06/2023 bà Nguyễn Thị N có bản tự khai trình bày về việc ngày 22/03/2021 Công ty T có thuê mua của Công ty MHE một máy xúc đào Komatsu, Công ty MHE có đưa một cán bộ lái máy xúc và một cán bộ quản lý của Công ty MHE lên Công ty T để thực hiện quá trình thuê mua của Công ty T và Công ty MHE, cách đây hơn một năm Công ty T và cán bộ quản lý máy cùng người lái máy xúc thống nhất đưa xe máy xúc về tỉnh Vĩnh Phúc cùng ông Nguyễn Kim K để làm việc, không phải Công ty T bán máy xúc cho ông Nguyễn Kim K, lý do đưa máy xúc về cho ông Nguyễn Kim K dùng là để làm việc thay cho Công ty T. Việc giữa Công ty T và ông Nguyễn Kim K có viết giấy mua bán máy xúc chỉ để phù hợp với khoản vay, sau này Công ty T trả tiền cho ông Nguyễn Kim K thì Công ty T mang máy xúc về và phải trả thêm tiền cho ông Nguyễn Kim K cao hơn số tiền vay ban đầu vì vậy việc đưa máy xúc về làm việc là phù hợp với quy định của pháp luật. Đến nay Công ty MHE yêu cầu Công ty T phải thanh toán các khoản còn nợ Công ty T không nhất trí vì tầm một năm nay Công ty T chưa thanh toán được cho Công ty MHE khoản tiền thuê máy xúc do công việc làm ăn gặp khó khăn. Đề nghị phía Công ty MHE cho lui lại thời gian để Công ty T thanh toán.

Công ty T người đại diện theo pháp luật bà Nguyễn Thị N không đến tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, tòa án thông báo kết quả phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ bà Nguyễn Thị N không có ý kiến và cũng không có văn bản trả lời. Tại phiên tòa Công ty T người đại diện theo pháp luật bà Nguyễn Thị N vắng mặt lần thứ 2 không có lý do vì vậy Toà án đã đưa vụ án ra xét xử theo Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại các bản tự khai và biên bản tiếp cận, công khai chứng cứ người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Kim K trình bày:

Căn cứ vào hợp đồng mua bán ngày 03/11/2021, anh Nguyễn Kim K có ký hợp đồng mua 01 chiếc máy xúc đào Komatsu; Model: PC200- 10 SN: 455193, nước sản xuất: Nhật Bản của Công ty TNHH MTV tổng hợp Đức Tiến người đại diện theo pháp luật bà Nguyễn Thị N chức vụ: Giám đốc với giá là 1.350.000.000VND (Một tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng), thỏa thuận trong hợp đồng anh Nguyễn Kim K thanh toán theo đợt, đợt 1 là 1.200.000.000VND (Một tỷ hai trăm triệu đồng); đợt 2 bà Nguyễn Thị N hẹn sau 3 tuần sẽ bàn giao giấy tờ xe máy xúc đào cho anh Nguyễn Kim K thì anh Nguyễn Kim K sẽ thanh toán nốt số tiền còn lại là 150.000.000 VND (Một trăm năm mươi triệu đồng) khi làm hợp đồng mua bán bà Nguyễn Thị N khẳng định máy xúc đào Komatsu không có tranh chấp với bất kỳ cơ quan, cá nhân nào, không cầm cố tại ngân hàng. Ngày 06/11/2021 anh Nguyễn Kim K đã nhận bàn giao máy xúc đào Komatsu có đại diện Công ty T có ông Phan Văn Dương chức vụ phó quản đốc, bà Vũ Thị Thanh Huệ là kế toán công ty là người bàn giao xe máy xúc đào để đưa về cơ sở thuộc xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc và có ông Nguyễn Kim Hậu là người áp tải xe máy xúc đào cùng anh Đỗ Mạnh H (là lái máy xúc) đi theo cùng xe. Sau này anh Nguyễn Kim K hỏi mới biết anh Đỗ Mạnh H là người lái máy xúc đào Komatsu và là người của Công ty TNHH Thiết bị nặng MARUBENI. Lúc này anh Nguyễn Kim K mới biết Công ty TNHH MTV tổng hợp Đức Tiến chưa thanh toán hết tiền mua máy xúc đào cho Công ty MHE, máy xúc đào vẫn thuộc quyền quản lý sử dụng của Công ty MHE. Từ sau khi ký hợp đồng cho đến nay Công ty TNHH MTV tổng hợp Đức Tiến người đại diện theo pháp luật bà Nguyễn Thị N vẫn không thực hiện đúng cam kết về việc giao giấy tờ của xe máy xúc đào Komatsu cho anh Nguyễn Kim K.

Sau khi nhận máy xúc đào Komatsu từ Công ty T đưa về bãi để cơ sở Nghi Duyên làng Tề Lỗ, Vĩnh Phúc anh Nguyễn Kim K không sử dụng máy xúc đào, bảo quản sạch sẽ để bán, không đưa vào hoạt động. Đến nay Công ty MHE đơn khởi kiện buộc Công ty TNHH MTV tổng hợp Đức Tiến phải trả máy xúc đào Komatsu anh Nguyễn Kim K không có ý kiến gì, anh Nguyễn Kim K cũng không có yêu cầu độc lập về việc đề nghị Tòa án nhân dân huyện B giải quyết buộc Công ty TNHH MTV tổng hợp Đức Tiến phải trả số tiền anh Nguyễn Kim K đã mua máy xúc đào Komatsu.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại bản tự khai người làm chứng anh Đỗ Mạnh H trình bày:

Ngày 23/03/2021 anh Đỗ Mạnh H là nhân viên lái máy xúc đào của Công ty MĐược phân công tới nhà máy gạch của Công ty T tại xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai để lái 01 máy xúc đào Komatsu model PC 200-10 mã số seri: 455193 mà Công ty MHE cho Công ty T thuê máy. Khoảng đầu tháng 11/2021 anh Đỗ Mạnh H được Công ty T thông báo (Trực tiếp là bà Nguyễn Thị N giám đốc) thông báo sẽ chuyển địa điểm hoạt động của máy xúc đào đến xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, ngày 07/11/2021 anh Đỗ Mạnh H đi cùng xe về xã T, tại đây máy xúc đào Komatsu được đưa vào bãi để máy của anh Nguyễn Kim K quản lý. Từ khi máy xúc đào Komatsu được Công ty T di chuyển về xã T, máy xúc đào không hoạt động gì. Anh Đỗ Mạnh H ở tại bãi để máy xúc đào từ tháng

11/2021 đến tháng 4/2022 nhưng anh Đỗ Mạnh H không biết việc Công ty T đã bán máy xúc đào Komatsu cho anh Nguyễn Kim K, anh Đỗ Mạnh H chỉ biết Công ty T không thanh toán tiền thuê máy xúc đào đúng hạn cho Công ty MHE nên Công ty MHE đã khóa máy qua hệ thống điều khiển từ xa và đến cuối tháng 4/2022 Công ty MHE điều chuyển anh Đỗ Mạnh H sang làm việc tại công trường khác. Anh Đỗ Mạnh H cam đoan toàn bộ những gì anh biết là sự thật.

Tại phiên toà, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai tham gia phiên toà, phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự, trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán; của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng tại phiên toà là đúng theo các quy định của pháp luật, đảm bảo đúng trình tự luật định; không vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử; Viện kiểm sát nghiên cứu hồ sơ đảm bảo đúng pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử, áp dụng Điều 144; khoản 1, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố Tụng dân sự; Điều 85, Điều 271; Điều 300, Điều 301 Luật Thương mại; Điều 351, Điều 356; Điều 418; Điều 472; Điều 481, Điều 482, Điều 582 Bộ Luật Dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Buộc Công ty TNHH MTV Tổng hợp Đức Tiến và anh Nguyễn Kim K là (người đang quản lý máy xúc đào) phải trả lại thiết bị thuê là 01 máy xúc đào Komatsu Model PC200-10, nhãn hiệu Komatsu, mã kiểu loại: PC200-10, số khung KMTPC243HGC455193, số động cơ: 6D10726657287, mã số Seri: 455193 cho Công ty TNHH thiết bị nặng Marubeni.

Công ty TNHH MTV Tổng hợp Đức Tiến không được trả lại số tiền đặt cọc do vi phạm nghĩa vụ theo Điều 4 mục 4.1 của hợp đồng thuê giá trị 200.000.000 đồng (hiện số tiền này do công ty MHE đang giữ đã được thỏa thuận trong hợp đồng thuê). Công ty MHE có quyền sở hữu số tiền đặt cọc trên.

Công ty TNHH MTV Tổng hợp Đức Tiến phải thanh toán khoản tiền thuê (không bao gồm chi phí lái máy) trong thời gian chậm hoàn trả thiết bị tính từ ngày 22/1/2022 đến ngày 13/4/2023 là: 1.119.733.333 VND; Sau khi đã trừ đi 15.000.000 VNĐ thanh toán thừa ngày 09/08/2022 thì số tiền còn lại Công ty T phải thanh toán là 1.104.733.333 VNĐ.

Công ty TNHH MTV Tổng hợp Đức Tiến phải thanh toán khoản tiền phạt vi phạm do thanh toán chậm (mức phạt 0,05% tổng số tiền đến hạn chưa thanh toán cho 01 ngày chậm thanh toán theo Khoản 4.5 Hợp đồng thuê) là: 44.265.000 VND.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Kim K phải trả lại 01 máy xúc đào Komatsu Model PC200-10, nhãn hiệu Komatsu, mã kiểu loại:

PC200-10, số khung KMTPC243HGC455193, số động cơ: 6D10726657287, mã số Seri: 455193 cho Công ty TNHH thiết bị nặng Marubeni.

Anh Nguyễn Kim K có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác về hợp đồng mua bán tài sản giữa anh và Công ty T để đòi lại số tiền 1.200.000.000đ (Một tỷ hai trăm triệu đồng) anh đã mua máy xúc đào của Công ty T theo quy định của pháp luật.

Tuyên án phí và quyền kháng cáo cho đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng, thẩm quyền giải quyết vụ án:

[1.1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa bị đơn Công ty TNHH MTV Tổng hợp Đức Tiến, người đại diện theo pháp luật bà Nguyễn Thị N, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc niêm yết, tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự đầy đủ để viết bản tự khai và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo quy định, tuy nhiên Công ty T người đại diện theo pháp luật bà Nguyễn Thị N vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, tòa án đã thông báo kết quả phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ, Công ty T người đại diện theo pháp luật bà Nguyễn Thị N không có ý kiến gì. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không tham gia hòa giải, nguyên đơn có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải. Vì vậy, vụ án không tiến hành hoà giải theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp cần giải quyết trong vụ án là tranh chấp kinh doanh thương mại về hợp đồng thuê tài sản, bị đơn Công ty TNHH MTV Tổng hợp Đức Tiến có địa chỉ tại Đội 3, xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai. Theo quy định tại khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai.

[2] Về áp dụng pháp luật: Do Luật thương mại không có quy định về Hợp đồng thuê tài sản mà chỉ quy định về Hợp đồng thuê tài sản trong Bộ luật dân sự. Căn cứ vào khoản 3, Điều 4 Luật Thương mại, tranh chấp về “ Hợp đồng thuê tài sản” giữa các bên đương sự áp dụng Bộ luật Dân sự để giải quyết vụ án.

[3] Về nội dung tranh chấp: Nguyên đơn Công ty M(Tên viết tắt Công ty MHE) và công ty TNHH MTV đầu tư tổng hợp Đức Tiến (Viết tắt Công ty T) ngày 22/03/2021 có ký hợp đồng thuê thiết bị số: RSA000126/MHE-DUCTIEN để thuê 01 máy xúc đào Komatsu Model PC200-10, nhãn hiệu Komatsu, mã

kiểu loại: PC200-10, số khung KMTPC243HGC455193, số động cơ: 6D10726657287, mã số Seri: 455193 trong thời hạn 12 tháng liên tục tính từ ngày thiết bị được bàn giao tại công trường của Công ty T có địa chỉ tại xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai (tức ngày 23/3/2021). Cùng ngày, Công ty T đã trả số tiền đặt cọc là 200.000.000VNĐ (Hai trăm triệu đồng) cho Công ty MHE theo quy định tại Điều 4.1 của Hợp đồng thuê. Tổng tiền thuê 01 tháng là 85.000.000VNĐ/01 máy (đã bao gồm thuế GTGT) gồm: Tiền thuê thiết bị tiêu chuẩn 01 tháng: 76.000.000 đồng và chi phí nhân viên lái máy 01 tháng: 9.000.000 đồng/người. Cũng trong ngày 22/03/2021 Công ty T đã trả số tiền đặt cọc là: 200.000.000VNĐ cho Công ty MHE. Thời hạn thanh toán tiền thuê: 15 ngày làm việc kể từ ngày xuất hóa đơn, địa điểm hoạt động của thiết bị thuê: tại nhà máy gạch Đức Tiên, xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Ngày 23/3/2021, Công ty MHE đã chuyển 01 máy xúc đào Komatsu Model PC200-10, nhãn hiệu Komatsu, mã kiểu loại: PC200-10, số khung KMTPC243HGC455193, số động cơ: 6D10726657287, mã số Seri: 455193 (gọi tắt là Thiết bị thuê), phụ tùng, dụng cụ, biên bản đào tạo và các tài liệu khác liên quan tới vận hành thiết bị thuê tới trụ sở Công ty T tại xã B, huyện B, Lào Cai. Ông Phan Văn Dương – đại diện Công ty T đã kiểm tra, ký biên bản bàn giao thiết bị và các tài liệu, dụng cụ liên quan và xác nhận rằng: “ máy không lỗi và các thông số bình thường, máy hoạt động tốt”. Công ty T mới thanh toán tiền thuê thiết bị cho công ty MHE từ tháng 03/2021 cho đến tháng 12/2021 tổng cộng là 10 hóa đơn với số tiền là 850.000.000VNĐ (Tám trăm năm mươi triệu đồng). Công ty MHE đã xuất hóa đơn tiền thuê với giá trị mỗi hóa đơn là 85.000.000VNĐ (Tám mươi lăm triệu đồng) cho Công ty T. Tại thời điểm thanh toán Công ty T thanh toán thừa số tiền là 15.000.000VNĐ (Mười lăm triệu đồng) số tiền này Công ty MHE chưa hạch toán vào nội dung gì, trong suốt quá trình thanh toán tiền thuê máy Công ty T thường xuyên chậm thanh toán không thanh toán đúng thời gian quy định như trong hợp đồng thuê. Tháng 01/2022 Công ty MHE đã nhiều lần gửi công văn cho Công ty T chấm dứt hợp đồng thuê, hoàn trả thiết bị thuê cho Công ty MHE.

Do đó xác định nguyên đơn Công ty MHE khởi kiện Công ty T về việc “Tranh chấp hợp đồng thuê tài sản” là phù hợp theo quy định của Điều 472, Điều 473, Điều 474 của Bộ luật Dân sự.

[4] Xét về tính hợp pháp của hợp đồng:

Ngày 22/03/2021, Công ty M(Tên viết tắt Công ty MHE) và công ty TNHH MTV đầu tư tổng hợp Đức Tiên (Viết tắt Công ty T) ký hợp đồng thuê thiết bị số: RSA000126/MHE-DUCTIEN để thuê 01 máy xúc đào Komatsu Model PC200-10, nhãn hiệu Komatsu, mã kiểu loại: PC200-10, số khung KMTPC243HGC455193, số động cơ: 6D10726657287, mã số Seri: 455193 trong thời hạn 12 tháng liên tục tính từ ngày thiết bị được bàn giao tại công trường của Công ty T có địa chỉ tại xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai (tức ngày 23/03/2021). Công ty MHE và Công ty T đều là doanh nghiệp tư nhân cả hai doanh nghiệp đều có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đúng với đối tượng của hợp đồng, việc hai bên ký kết hợp đồng thuê tài sản là máy xúc đào

Komatsu để phục vụ cho việc kinh doanh với mục đích lợi nhuận là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Công ty MHE khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết đối với bị đơn Công ty T như sau:

Buộc Công ty TNHH MTV Tổng hợp Đức Tiến phải trả lại thiết bị thuê là 01 máy xúc đào Komatsu Model PC200-10, nhãn hiệu Komatsu, mã kiểu loại: PC200-10, số khung KMTPC243HGC455193, số động cơ: 6D10726657287, mã số Seri: 455193 cho Công ty TNHH thiết bị nặng Marubeni. Do TNHH MTV Tổng hợp Đức Tiến đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại điểm a mục 4.2 Điều 4 hợp đồng thuê là phù hợp cần chấp nhận.

Công ty TNHH MTV Tổng hợp Đức Tiến do vi phạm nghĩa vụ thanh toán không thực hiện đúng hợp đồng vì vậy Công ty MHE được giữ lại tiền đặt cọc do vi phạm nghĩa vụ theo mục 4.1 Điều 4 của Hợp đồng thuê giá trị 200.000.000 đồng (hiện số tiền này do công ty MHE đang giữ đã được thỏa thuận trong hợp đồng thuê). Số tiền này Công ty MHE được hưởng từ việc đặt cọc là phù hợp với quy định của pháp luật cần chấp nhận.

Buộc Công ty TNHH MTV Tổng hợp Đức Tiến phải thanh toán khoản tiền thuê trong thời gian chậm hoàn trả thiết bị tạm tính từ ngày 22/01/2022 đến ngày 13/04/2023 là: 1.104.733.333 VNĐ và thanh toán khoản tiền phạt vi phạm là: 44.265.000 VNĐ. Xác định Công ty MHE yêu cầu là có căn cứ cần chấp nhận.

Quá trình giải quyết vụ án Công ty MHE đề nghị Tòa án đưa anh Nguyễn Kim K tham gia với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, tại các bản tự khai và tại phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ anh Nguyễn Kim K xác định có ký hợp đồng mua bán ngày 03/11/2021 mua 01 chiếc máy xúc đào Komatsu; Model: PC200- 10 SN: 455193, nước sản xuất: Nhật Bản của Công ty TNHH MTV tổng hợp Đức Tiến người đại diện theo pháp luật bà Nguyễn Thị N chức vụ: Giám đốc với giá là 1.350.000.000VND (Một tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng), thỏa thuận trong hợp đồng anh Nguyễn Kim K theo đợt, đợt 1 là 1.200.000.000VND (Một tỷ hai trăm triệu đồng). đợt 2 bà Nguyễn Thị N hẹn sau 3 tuần sẽ bàn giao giấy tờ xe máy xúc đào cho anh Nguyễn Kim K thì anh Nguyễn Kim K sẽ thanh toán nốt số tiền còn lại là 150.000.000 VND (Một trăm năm mươi triệu đồng). Đến nay Công ty M làm đơn khởi kiện buộc Công ty TNHH MTV tổng hợp Đức Tiến phải trả máy xúc đào Komatsu anh Nguyễn Kim K không có ý kiến gì, anh Nguyễn Kim K cũng không có yêu cầu độc lập về việc đề nghị Tòa án nhân dân huyện B giải quyết buộc Công ty TNHH MTV tổng hợp Đức Tiến phải trả số tiền anh Nguyễn Kim K đã mua máy xúc đào Komatsu số tiền là 1.200.000.000VND (một tỷ hai trăm triệu đồng).

Đối với việc Công ty T bán cho anh Nguyễn Kim K 01 máy xúc đào Komatsu Model PC200-10, nhãn hiệu Komatsu, mã kiểu loại: PC200-10, số khung KMTPC243HGC455193, số động cơ: 6D10726657287, mã số Seri: 455193 anh Nguyễn Kim K không có yêu cầu độc lập giải quyết trong vụ án này vì vậy tòa án không giải quyết trong vụ án này là phù hợp với quy định của pháp

luật. Anh Nguyễn Kim K có quyền khởi kiện Công ty T bằng một vụ án dân sự khác để đòi lại số tiền 1.200.000.000 VND.

Đối với 01 máy xúc đào Komatsu Model PC200-10, nhãn hiệu Komatsu, mã kiểu loại: PC200-10, số khung KMTPC243HGC455193, số động cơ: 6D10726657287, mã số Seri: 455193 hiện nay vẫn là tài sản của Công ty MHE không phải tài sản của Công ty T, Công ty T ký hợp đồng bán cho anh Nguyễn Kim K là trái với quy định của pháp luật. Hiện nay máy xúc đào Komatsu Model PC200-10, nhãn hiệu Komatsu, mã kiểu loại: PC200-10, số khung KMTPC243HGC455193, số động cơ: 6D10726657287, mã số Seri: 455193 do anh Nguyễn Kim K đang là người quản lý tại đề cơ sở Nghị Duyệt làng Tê Lỗ, Vĩnh Phúc sau đó chuyển máy xúc đào Komatsu về bãi để Bách Thường, xã Trung Nguyên, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, Công ty MHE yêu cầu anh Nguyễn Kim K phải trả lại cho Công ty MHE là phù hợp với Điều 164, Điều 166 của Bộ luật Dân sự.

Đối với yêu cầu của Công ty MHE về việc trong trường hợp thiết bị thuê không còn nguyên vẹn hoặc bị hư hỏng tới mức không thể sửa chữa hoặc không thể khôi phục được trạng thái hoạt động bình thường, Công ty MHE sẽ từ chối nhận lại thiết bị này và yêu cầu Công ty T bồi thường cho Công ty MHE số tiền là 1.500.000.000VND (Một tỷ năm trăm triệu đồng) tương đương với giá trị thị trường của thiết bị. Ngày 14 tháng 06 năm 2023 Công ty MHE đã có đơn đề nghị và báo cáo về việc kiểm tra máy xúc đào Komatsu, máy vẫn hoạt động bình thường không bị hư hỏng gì, quá trình kiểm tra máy xúc có hình ảnh video ghi lại quá trình kiểm tra máy xúc đào Komatsu, máy xúc đào Komatsu hiện đang được anh Nguyễn Kim K xác nhận đang là người quản lý và giữ máy tại bãi máy Bách Thường, xã Trung Nguyên, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc và anh Nguyễn Kim K cũng là người trực tiếp ký vào biên bản kiểm tra máy, nên Công ty MHE không yêu cầu bồi thường về giá trị máy xúc đào. Vì vậy Tòa án không tiến hành xem xét thẩm định, định giá máy xúc đào Komatsu là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với số tiền 15.000.000VND (Mười lăm triệu đồng) Công ty T chuyển trả thừa cho Công ty MHE trong thời gian thanh toán tiền thuê đến nay Công ty MHE có quan điểm vì Công ty T còn phải thanh toán các khoản tiền chưa thanh toán cho Công ty MHE. Vì vậy Công ty MHE trừ số tiền 15.000.000VND vào mục tiền thuê trong thời gian chậm hoàn trả thiết bị tính từ ngày 22/01/2022 đến ngày 13/04/2023 là: 1.119.733.333 VND; Sau khi đã đối trừ đi 15.000.000 VND thanh toán thừa ngày 09/08/2022 thì số tiền còn lại Công ty T phải thanh toán là 1.104.733.333 VND. Hội đồng xét xử xét thấy là phù hợp cần chấp nhận.

[6] Về án phí: Công ty TNHH MTV tổng hợp Đức Tiến là người phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả cho Công ty M số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 144; khoản 1, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố Tụng dân sự; khoản 3, Điều 4; Điều 85, Điều 300, Điều 301 Luật Thương mại; Điều 351, Điều 356; Điều 385; Điều 398; Điều 418; Điều 472; Điều 473; Điều 474, Điều 480; Điều 481, Điều 482; Điều 582 Bộ Luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Mnhư sau:

Buộc Công ty TNHH MTV Tổng hợp Đức Tiến, anh Nguyễn Kim K phải trả lại thiết bị thuê là 01 máy xúc đào Komatsu Model PC200-10, nhãn hiệu Komatsu, mã kiểu loại: PC200-10, số khung KMTPC243HGC455193, số động cơ: 6D10726657287, mã số Seri: 455193 cho Công ty TNHH thiết bị nặng Marubeni.

Công ty MHE được hưởng số tiền mà Công ty TNHH MTV Tổng hợp Đức Tiến đặt cọc do vi phạm nghĩa vụ theo Điều 4 mục 4.1 của Hợp đồng thuê giá trị 200.000.000 đồng (hiện số tiền này do công ty MHE đang giữ đã được thỏa thuận trong hợp đồng thuê).

Công ty TNHH MTV Tổng hợp Đức Tiến phải thanh toán khoản tiền thuê (không bao gồm chi phí lái máy) trong thời gian chậm hoàn trả thiết bị tính từ ngày 22/01/2022 đến ngày 13/04/2023 là: 1.119.733.333 VND; Sau khi đã đối trừ đi 15.000.000 VNĐ thanh toán thừa ngày 09/08/2022 thì số tiền còn lại Công ty TNHH MTV Tổng hợp Đức Tiến phải thanh toán là 1.104.733.333 VNĐ (Một tỷ một trăm linh bốn triệu bảy trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng)

Công ty TNHH MTV Tổng hợp Đức Tiến phải thanh toán khoản tiền phạt vi phạm do thanh toán chậm (mức phạt 0,05% tổng số tiền đến hạn chưa thanh toán cho 01 ngày chậm thanh toán theo Khoản 4.5 Hợp đồng thuê) là: 44.265.000 VND (Bốn mươi bốn triệu hai trăm sáu mươi lăm nghìn đồng)

Tổng số tiền Công ty T phải thanh toán cho Công ty MHE số tiền tiền thuê thiết bị từ ngày 22/01/2022 đến ngày 13/04/2023 và tiền phạt chậm thanh toán với tổng số tiền là 1.148.998.333 VND (Một tỷ một trăm bốn mươi tám triệu chín trăm chín mươi tám nghìn ba trăm ba mươi ba đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền ở trên, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo qui định tại Điều 357, Điều 468 - Bộ Luật Dân sự.

2. Về án phí: Bị đơn Công ty TNHH MTV Tổng hợp Đức Tiến phải chịu 52.470.000 VND (Năm mươi hai triệu bốn trăm bảy mươi nghìn đồng) tiền án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm. Công ty Mkhông phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Công ty M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 26.234.000 VNĐ (Hai mươi sáu triệu, hai trăm ba mươi tư nghìn đồng) do chị Nguyễn Thị Như Q nộp thay theo biên lai thu tiền tạm

ứng án phí số: 0002398 ngày 25/04/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lào Cai.

Bản án, được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn Công ty Mđược quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn Công ty TNHH MTV Tổng hợp Đức Tiến, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Kim K được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND tỉnh;
- VKSNDH Bát Xát;
- Chi cục THA huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu HS, Tập án;

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

Đỗ Thị Thanh Hương

